

CHUYÊN ẦỦ 3: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Tổng quan chung về phân tích BCTC
- Phân tích các báo cáo tài chính cụ thể



TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH BCTC

1. Mục tiêu phân tích BCTC
2. Phương pháp phân tích BCTC
3. Tổ chức phân tích BCTC
4. Tài liệu phục vụ phân tích BCTC



1.1. KHÁI NIỆM PHÂN TÍCH BCTC

Phân tích BCTC là hệ thống các phương pháp sử dụng để:

- Đánh giá
- Dự đoán
- Giúp người sử dụng thông tin đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp

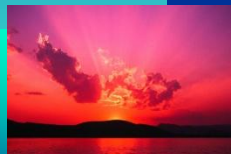


1.1. MỤC TIÊU PHÂN TÍCH BCTC

Phân tích BCTC - công cụ giúp các chủ thể quản lý có những lựa chọn và quyết định phù hợp nhất. **Chi phí tối thiểu, lợi ích tối đa.**

- Chủ thể quản lý: Bên trong và bên ngoài đơn vị có lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp. **Lịch sử, cụ thể.**

Đối với mỗi chủ thể quản lý khác nhau thì phân tích BCTC có mục tiêu cụ thể khác nhau



1.2. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BCTC

- *Phương pháp đánh giá*: So sánh ngang, chi tiết, liên hệ đối chiếu...
- *Phương pháp phân tích nhân tố*:
 - + Xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố
 - + Phân tích tính chất ảnh hưởng của các nhân tố, tìm nguyên nhân, biện pháp khắc phục.
- *Phương pháp dự đoán*: Hệ số tài chính cơ bản, tỷ lệ % trên doanh thu..



PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH

- *So sánh ngang*: cuối năm với đầu năm hoặc năm nay (hoặc bình quân năm nay) với năm tr- ớc (hoặc bình quân các năm tr- ớc) của cùng một chỉ tiêu trong báo cáo nhằm xác định sự biến động t- ơng đối, tuyệt đối.
- *Phân tích dọc*: xác định tỉ trọng của từng chỉ tiêu trong tổng số nhằm xác định cơ cấu của tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả..



PHƯƠNG PHÁP CHI TIẾT

- Chi tiết theo thời gian: năm theo quý, quý theo tháng... nhằm đánh giá tính chu kỳ...
- Chi tiết theo địa điểm phát sinh: tổng thể theo bộ phận..nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của từng bộ phận..
- Chi tiết theo yếu tố cấu thành nhằm đánh giá các thành phần của từng chỉ tiêu từ đó xác định trọng điểm quản lý.



1.3. TỔ CHỨC PHÂN TÍCH BCTC

☐ ý nghĩa của tổ chức phân tích BCTC

Tổ chức phân tích BCTC hợp lý, khoa học thì sẽ phát huy tối đa hiệu lực của một công cụ quản lý

☐ Phân loại phân tích BCTC

Theo phạm vi, theo thời gian, theo thời điểm lập báo cáo phân tích

☐ Trình tự tiến hành phân tích BCTC



1.4. TÀI LIỆU PHỤC VỤ PT BCTC.

- Hệ thống báo cáo tài chính. B 01,02,03,09 - DN QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ KT DNVVN.
- Cơ sở dữ liệu khác.
 - Các yếu tố bên trong, các yếu tố bên ngoài.
 - Các thông tin chung, các thông tin theo ngành kinh tế, thông tin về bản thân DN, các thông tin khác.
 - Các thông tin định tính, các thông tin định lượng.



2. PHÂN TÍCH CẤU BCTC

2.1. Phân tích B01-DN

2.2. Phân tích B02-DN

2.3. Phân tích B03-DN

2.4. Phân tích B09-DN

2.5. Phân tích mối quan hệ của các BCTC

2.6. Tổng hợp các thông tin về hoạt động TC đơn vị



2.1 PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ẪI KẾ TOÁN

❑ Mục đích:

Đánh giá quy mô, cơ cấu vốn, nguồn vốn của đơn vị

❑ Phương pháp:

Phân tích ngang, dọc, liên hệ đối chiếu, phân tích qua các hệ số dựa các chỉ tiêu trên BCĐKT, so sánh giữa cuối kỳ với đầu năm của cùng niên độ, hoặc các thời điểm t- ứng của các niên độ với nhau cung cấp thông tin định lượng về tài chính của đơn vị

❑ Đánh giá:

- Thực trạng quy mô, cơ cấu và xu hướng biến động vốn, nguồn vốn, chính sách tài trợ, khả năng thanh toán... của đơn vị
- Khái quát về năng lực tài chính, huy động và phân bổ nguồn lực, những hạn chế và nguy cơ tiềm ẩn.



BẢNG 1: PHÂN TÍCH NGANG B01-DN

Chỉ tiêu	CN	ĐN	Tăng, giảm	
			ST	TL
Tổng tài sản				
A.TSNH				
B. TSDH				
Tổng nguồn vốn				
A. Nợ phải trả				
B. VCSH				

BẢNG 2: PHÂN TÍCH DẠNG B01-DN/HN



Chỉ tiêu	TTc	TTđ	CL
Tài sản			
A. TSNH			
B. TSDH			
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả			
B. Vốn chủ sở hữu			



PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TÀI TRỢ

- Nguyên tắc cân bằng tài chính : đòi hỏi đảm bảo cân bằng cả về giá trị và thời gian khi huy động và sử dụng vốn:

✓ Về giá trị: *tổng tài sản = tổng nguồn vốn*

✓ Về thời gian: *“Thời gian tài trợ tài sản không thấp hơn thời gian chuyển hóa tài sản ấy”* Hoặc:

“Thời gian của nguồn vốn tài trợ phải không thấp hơn thời gian chuyển hoá tài sản được tài trợ thành tiền”

Cụ thể: $NVDH \geq TSDH$ và $NVNH \leq TSNH$

$NVDH = \text{Nợ dài hạn} + \text{Vốn chủ sở hữu}$

$NVNH = \text{Nợ ngắn hạn}$

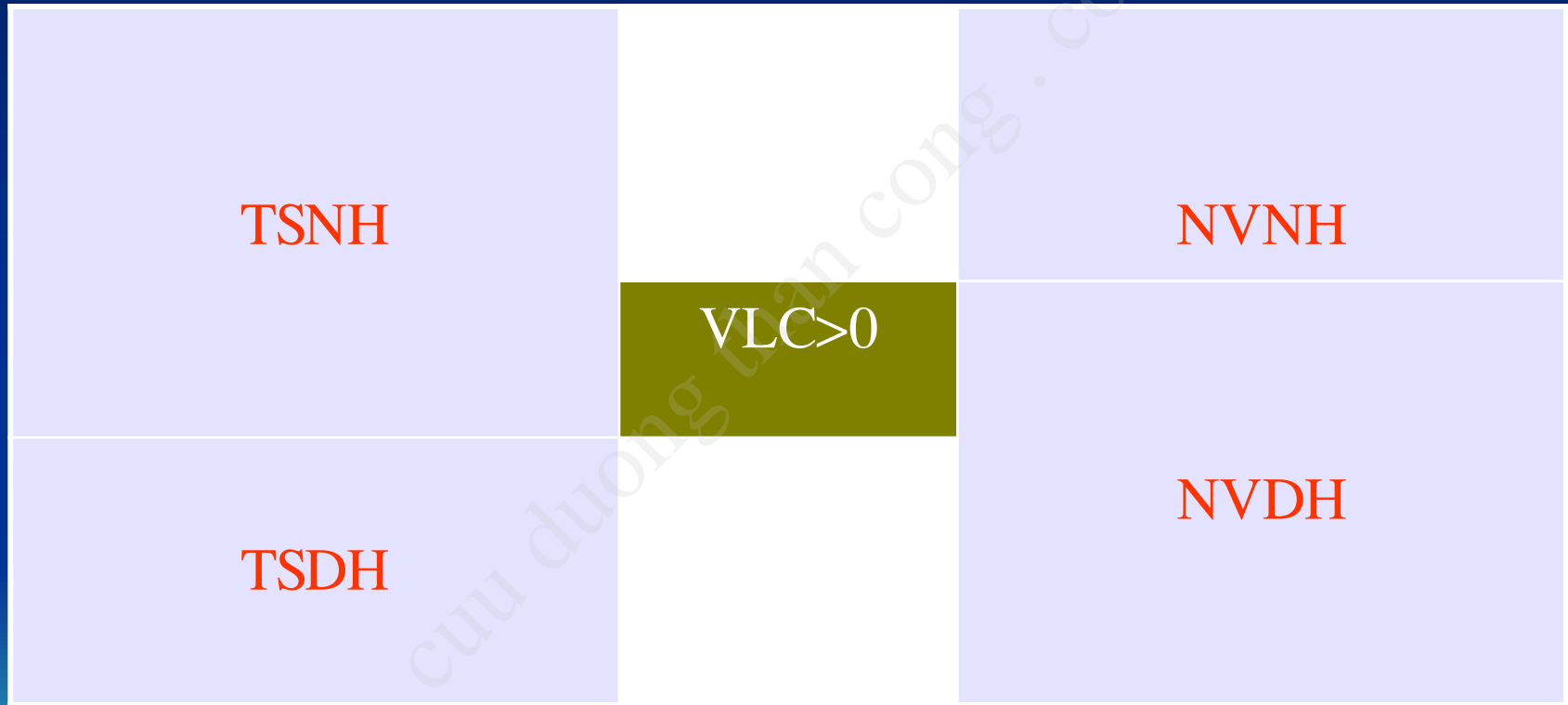
$VLC = NVDH - TSDH = TSNH - NVNH$



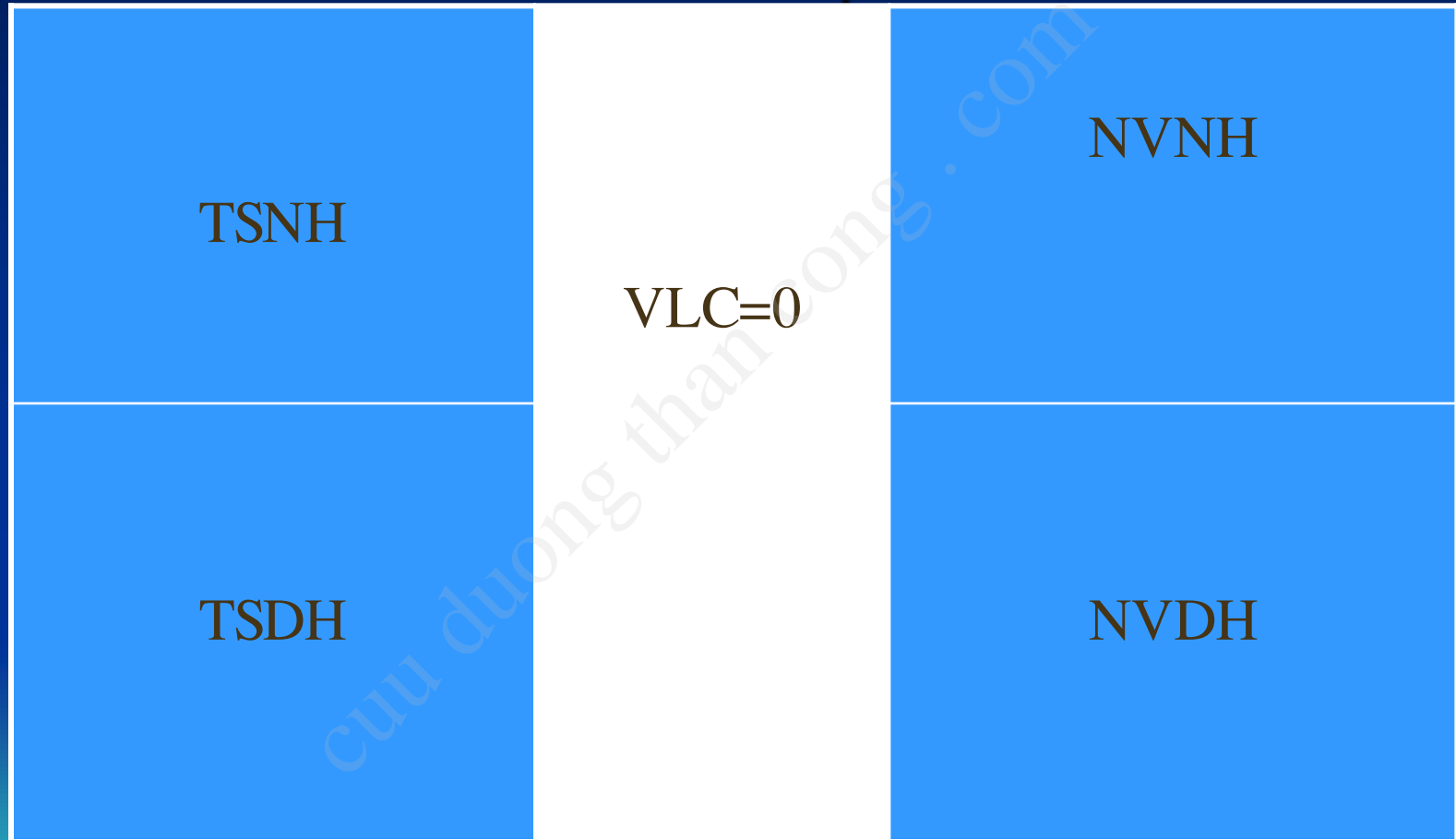
TRƯỜNG HỢP 1: TÀI TRỢ MẠO HIỂM



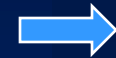
TRƯỜNG HỢP 2: TÀI TRỢ AN TOÀN



TRƯỜNG HỢP 3: CÂN BẰNG TẠM THỜI



BẢNG 3: PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TÀI TRỢ



Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Chênh lệch
1. TSDH (hoặc NVNH)			
2. NVDH (hoặc TSNH)			
- Nợ dài hạn			
- Vốn chủ sở hữu			
3. VLC= NVDH-TSDH (hoặc TSNH — NVNH)			



PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số khả năng

thanh toán

tổng quát

=

Tổng tài sản

Nợ phải trả

Hệ số càng cao thì doanh nghiệp càng chủ động trong việc thanh toán nợ, rủi ro thấp,....



PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số khả năng

thanh toán

nợ ngắn hạn

=

Tài sản ngắn hạn

Nợ ngắn hạn

+ Hệ số > 1 thì doanh nghiệp chủ động trong việc thanh toán nợ ngắn hạn

+ Hệ số quá cao có thể do vốn tồn đọng quá lớn

Hệ số < 1 thì doanh nghiệp không đủ khả năng thanh toán



PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THANH TOÁN

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số khả} \\ \text{năng thanh} \\ \text{toán nhanh} \end{array} = \frac{\text{Tiền và TĐ tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số khả} \\ \text{năng thanh} \\ \text{toán tức thời} \end{array} = \frac{\text{Tiền và TĐ tiền}}{\text{Nợ tới hạn}}$$



BẢNG 4: PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Ch.lệch
1. Hệ số thanh toán tổng quát			
2. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn			
3. Hệ số thanh toán nhanh			
4. Hệ số thanh toán tức thời			



2.2. PHÂN TÍCH B02-DN

📊 *Mục đích:*

Đánh giá thực trạng, xu hướng biến động KQKD của đơn vị, vấn đề đặt ra trong từng lĩnh vực kinh doanh.

📊 *Phương pháp phân tích:*

Phân tích ngang, phân tích dọc, phân tích theo hệ số.

📊 *Nguyên tắc đánh giá:*

Tỷ lệ biến động của doanh thu phải liên hệ chặt chẽ với tỷ lệ biến động của chi phí. Tỷ lệ biến động của kết quả kinh doanh phải liên hệ với tỷ lệ biến động của vốn, nguồn vốn nhằm đạt được mục tiêu phân tích.



BẢNG 5: BẢNG PHÂN TÍCH NGANG KQKD

Chỉ tiêu	Kỳ tr- ớc	Kỳ này	Tăng, giảm	
			ST	TL
Doanh thu thuần BH&CCDV				
Gía vốn hàng bán				
Lợi nhuận gộp				
Doanh thu HĐTC				
.....				
Lợi nhuận sau thuế				



BẢNG 6: BẢNG PHÂN TÍCH DẠC B02-DN

Chỉ tiêu <i>(Lấy Doanh thu thuần hoặc tổng luân chuyển thuần làm quy mô chung của tổng thể)</i>	NN	NT	So sánh	Tỷ lệ
1. Tỷ suất giá vốn				
2. Tỷ suất chi phí b.hàng				
3. Tỷ suất chi phí QLDN				
4. Tỷ suất LNKD				
5. Tỷ suất LNtt				
6. Tỷ suất LNst				

2.3 PHÂN TÍCH B03-DN/HN

- *Mục tiêu:*

Đánh giá năng lực tạo tiền, tình hình l- u chuyển tiền của đơn vị

- *Phương pháp phân tích:*

phân tích ngang, dọc, liên hệ đối chiếu, phân tích hệ số.

- *Nguyên tắc đánh giá:*

Năng lực tạo tiền, tình hình l- u chuyển tiền phải liên hệ với năng lực huy động, sử dụng vốn, quy mô, kết quả kinh doanh nhằm đảm bảo tiềm lực tài chính của đơn vị



BẢNG 7: PHÂN TÍCH NGANG B03-DN

Chỉ tiêu	NN	NT	CL	TL(%)
1. Dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh				
2. Dòng tiền chi từ hoạt động kinh doanh				
3. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
.....				
....				
12. Tổng dòng tiền l-u chuyển thuần				



BẢNG 8: PHÂN TÍCH DÒNG B03-DN

Chỉ tiêu	TTnn	TTnt	CL	TL(%)
1. Dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh				
2. Dòng tiền chi từ hoạt động kinh doanh				
3. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
.....				
11. Tổng dòng tiền chi trong kỳ				
12. Tổng dòng tiền l- u chuyển thuần				



2.4. PHÂN TÍCH B09-DN/HN

- *Mục tiêu phân tích:*

Cung cấp các thông tin đánh giá cụ thể về thực trạng, xu hướng biến động, làm rõ các thông tin về hoạt động tài chính của đơn vị ẩn sau các chỉ tiêu tổng hợp trên các báo cáo tài chính theo yêu cầu của các chủ thể quản lý.

- *Chỉ tiêu phân tích:*

Các chỉ tiêu được đánh dấu ở cột thuyết minh trong các báo cáo B01,02,03-DN

- *Phương pháp phân tích:*

Sử dụng phương pháp phân tích ngang, dọc, hệ số... để đạt được các mục tiêu phân tích.



2.5. PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- *Mục tiêu:*

Đánh giá hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản của đơn vị thông qua các hệ số tài chính cơ bản

- *Nội dung:*

- a. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn
- b. Phân tích khả năng tạo tiền
- c. Phân tích khả năng sinh lời
- d. Đánh giá khả năng tăng trưởng



a. PHÂN TÍCH TỐC ĐỘ LUÂN CHUYỂN VỐN

$$\text{Số vòng quay của vốn} = \frac{\text{Tổng luân chuyển thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

$$\text{Số ngày luân chuyển vốn bình quân} = \frac{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}{\text{Mức luân chuyển bình quân 1 ngày}}$$



Phân tích tốc độ luân chuyển VLĐ

$$\begin{aligned} \text{Số vòng quay} & & & \text{Doanh thu thuần trong kỳ} \\ \text{vốn l- u động} & = & & \hline & & & \text{Vốn l- u động bq trong kỳ} \\ & & & \text{Số ngày trong kỳ} \\ \text{Số ngày quay} & & & \\ \text{vòng của} & & & \\ \text{VLĐ} & = & & \hline & & & \text{Số vòng quay VLĐ} \end{aligned}$$



Phân tích tốc độ luân chuyển hàng tồn kho

$$\begin{aligned} \text{Số vòng quay hàng tồn kho} &= \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân trong kỳ}} \\ \text{Số ngày quay vòng của hàng tồn kho} &= \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Số vòng quay HTK}} \end{aligned}$$



Phân tích tốc độ thu hồi nợ

$$\text{Hệ số thu hồi nợ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số d- bình quân CKPT}}$$

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Số vòng quay CKPT}}$$



BẢNG 9: PHÂN TÍCH TỐC ĐỘ LUÂN CHUYỂN VỐN

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N	Ch.lệch
1. Số vòng quay của tổng vốn			
2. Kỳ luân chuyển vốn bình quân			
3. Số vòng quay vốn l- u động			
4. Số ngày luân chuyển VLĐ			
5. Hệ số quay vòng HTK			
6. Số ngày vòng quay HTK			
7. Hệ số thu hồi nợ			
8. Kỳ thu nợ bình quân			

B. PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG TẠO TIỀN

$$\text{Hệ số tạo tiền của tài sản} = \frac{\text{Tổng tiền thu trong kỳ}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

$$\text{Hệ số tạo tiền của tổng luân chuyển thuần} = \frac{\text{Tổng tiền thu trong kỳ}}{\text{Tổng luân chuyển thuần trong kỳ}}$$

Dòng tiền thuần từ hoạt động KD

$$\text{Hệ số tạo tiền từ DT} = \frac{\text{Dòng tiền thuần từ hoạt động KD}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

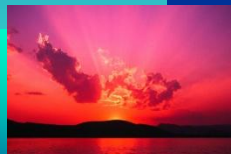
Dòng tiền thuần từ hoạt động KD

$$\text{Hệ số tạo tiền từ HĐKD} = \frac{\text{Dòng tiền thuần từ hoạt động KD}}{\text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD}}$$



BẢNG 10: PHÂN TÍCH KHỐI NỒNG TẠO TIỀN

Chỉ tiêu	N	N-1	CL	TL
1. Hệ số tạo tiền của tài sản				
2. Hệ số tạo tiền của tổng luân chuyển thuần				
3. Hệ số tạo tiền từ DT				
4. Hệ số tạo tiền từ HĐKD				



C. PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG SINH LỜI

$$\begin{aligned}
 & \text{Hệ số sinh lời của tài sản} \\
 &= \frac{\text{Lợi nhuận tr- ớc thuế và lãi vay}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \\
 &= \frac{\text{LNTT\&LV}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn chủ bq}} \times \frac{\text{Vốn chủ bq}}{\text{Tài sản bq}} \\
 &= \text{Hệ số sinh lời doanh thu} \times \text{Số vòng quay Vốn chủ sở hữu} \times \text{Hệ số vốn chủ trên tài sản}
 \end{aligned}$$



$$\begin{aligned}
 & \text{Hệ số} \\
 & \text{sinh lời của} \\
 & \text{Vốn chủ SH} \\
 & \\
 & \text{LNST} \\
 = & \frac{\text{LNST}}{\text{D.thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Tài sản bq}}{\text{Vốn chủ bq}} \\
 & \\
 & \text{Lợi nhuận sau thuế} \\
 = & \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ bình quân}}
 \end{aligned}$$



Lợi nhuận

$$\text{Hệ số sinh lời của DTT} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- + Tỷ số có thể tính theo lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế
- + Mẫu số có thể tính theo doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu thuần bán hàng và doanh thu tài chính hoặc tính theo tổng luân chuyển thuần bằng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh cộng thu nhập hoạt động khác trên B02-DN/HN.
- + Hệ số này quan hệ chặt chẽ với các hệ số chi phí.



Khả năng sinh lời vốn cổ phần.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ sinh lời vốn} \\ \text{cổ phần th- ờng} \\ \text{(EPS)} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - LT cổ phần - u đãi}}{\text{Tổng số cổ phần th- ờng bình quân}}$$

Chỉ tiêu phản ánh mỗi cổ phần th- ờng thu đ- ợc bao nhiêu lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này còn gọi là thu nhập bình quân của 1 cổ phần th- ờng.



Cổ tức một cổ phần th- ờng.

$$\begin{array}{l} \text{Cổ tức} \\ \text{một cổ phần} \\ \text{th- ờng} \end{array} = \frac{\text{LNST dành trả cổ tức cho cổ phần th- ờng}}{\text{Số l- ợng cổ phiếu th- ờng đang l- u hành}}$$

Mỗi cổ phần đ- ợc h- ợng bao nhiêu cổ tức



Hệ số trả cổ tức.

$$\text{Hệ số trả cổ tức} = \frac{\text{Cổ tức 1 cổ phần}}{\text{Thu nhập 1 cổ phần}}$$

Doanh nghiệp dùng bao nhiêu phần thu nhập để trả cổ tức cho cổ phần th- ờng



Hệ số giá trên thu nhập:

$$\text{Hệ số giá trên thu nhập (P/E)} = \frac{\text{Giá trị thị trường 1 cổ phần}}{\text{Thu nhập một cổ phần}}$$

Chỉ tiêu phản ánh nhà đầu tư trả giá bao nhiêu cho thu nhập 1 cổ phần (1 đồng lợi nhuận sau thuế)



BẢNG 11: PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N	Ch.lệch
1. Hệ số sinh lời của DTT			
2. Hệ số sinh lời của tài sản			
3. Hệ số sinh lời của vốn chủ			
4. Hệ số chi phí			



Bảng 12: Phân tích khả năng sinh lời vốn cổ phần

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N	Ch.lệch
1. Tỷ lệ sinh lời vốn cổ phần th- ờng (EPS)			
2. Cổ tức một cổ phần th- ờng			
3. Hệ số trả cổ tức			
4. Hệ số giá trên thu nhập (P/E)			



D. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TỔNG TR- ỜNG

Tăng tr- ờng về tài sản

Tăng tr- ờng về doanh thu

Tăng tr- ờng vốn chủ

...

CuuDuongThanCong.com



Tăng trưởng về tài sản

Tài sản cuối kỳ – tài sản đầu kỳ

$Tts = \frac{\text{-----}}{\text{-----}}$

Tài sản đầu kỳ



Tỷ lệ tăng trưởng vốn chủ sở hữu, DT, LN

Thay đổi vốn chủ sở hữu $V_c — V_d$

$$T_{vc} = \frac{V_c - V_d}{V_c} = \frac{V_c - V_d}{V_c}$$

Vốn chủ sở hữu đầu kỳ V_d

Thay đổi doanh thu $D_n — D_t$

$$T_{dt} = \frac{D_n - D_t}{D_n} = \frac{D_n - D_t}{D_n}$$

Doanh thu kỳ tr-ớc D_t

Thay đổi lợi nhuận $LN_n — LN_t$

$$T_{dt} = \frac{LN_n - LN_t}{LN_n} = \frac{LN_n - LN_t}{LN_n}$$

Lợi nhuận kỳ tr-ớc LN_t



BẢNG 13: PHÂN TÍCH TĂNG TRƯỞNG

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N	Ch.lệch
1. Tỷ lệ thay đổi tài sản			
2. Tỷ lệ thay đổi vốn chủ			
3. Tỷ lệ thay đổi doanh thu			
4. Tỷ lệ thay đổi LN			



Chú ý

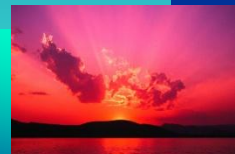
Một là:

- Nếu chúng ta sử dụng các hệ số tài chính một cách riêng biệt có thể đ- a lại một nhận định sai. Vì vậy việc phân tích thông qua các hệ số tài chính chỉ có hiệu quả khi sử dụng đồng bộ các hệ số tài chính để tạo ra bức tranh t- ơng đối toàn cảnh nhất về doanh nghiệp.



Hai là:

- Số liệu của các báo cáo tài chính có bản chất tĩnh và mang tính lịch sử.
- Số liệu theo giá trị sổ sách khác với giá trị thị trường.
- Nguyên tắc kế toán nhiều khi che đậy khuyết tật hoặc thổi phồng thành tích của doanh nghiệp. Các tỷ số tài chính không bao giờ được coi là một sự kết thúc, mà chỉ được coi là sự chỉ dẫn quan trọng, bắt đầu cho công việc tiếp theo.



Ba là:

Cần thận trọng trong khi so sánh hệ số tài chính với các doanh nghiệp khác, cũng nh- không thể coi tỷ số trung bình của ngành là một chuẩn mực để cố gắng đạt tới.,bởi vì mỗi doanh nghiệp có đặc điểm riêng về công nghệ ,cơ cấu đầu t- ,chính sách tài chính, kết cấu sản phẩm, chiến l- ợc kinh doanh...và nhất là có sự khác nhau cách nhìn nhận về các hệ số tài chính. Do vậy nên chọn các doanh nghiệp t- ơng tự (có cùng quy mô ..) để so sánh, sự so sánh này cũng chỉ mang tính chất tham khảo.



Kết luận: Mặc dù còn nhiều tồn tại nhưng do những thông tin hữu ích mà nó mang lại, phân tích các báo cáo tài chính luôn giúp các chủ thể quản lý có thể đọc được rất nhiều điều về thực trạng, tiềm năng, sự yếu kém, xu hướng phát triển, hiệu quả hoạt động, quá trình sinh lời... của doanh nghiệp để đưa ra quyết định đầu tư- khôn ngoan

